

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

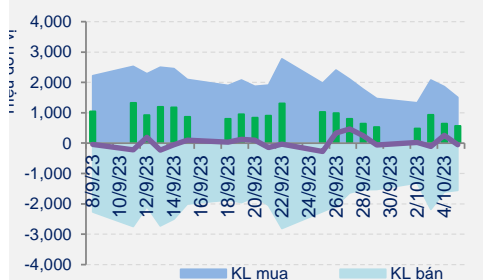
5/10/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

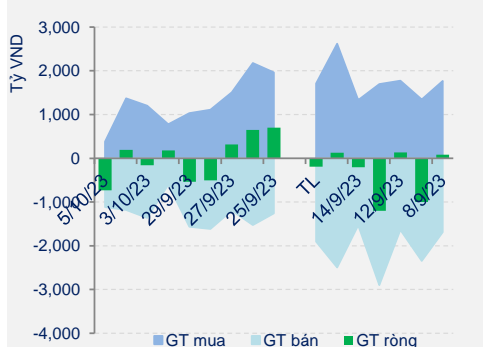
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,113.89	228.01
% Thay đổi	↓ -1.31%	↓ -0.95%
KLGD (CP)	564,920,415	72,445,690
GTGD (tỷ đồng)	13,009.32	1,428.25
Tổng cung (CP)	1,552,387,988	119,269,100
Tổng cầu (CP)	1,503,327,589	107,399,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,047,927	1,132,559
KL mua (CP)	12,136,794	461,447
GT mua (tỷ đồng)	380.76	12.32
GT bán (tỷ đồng)	1,113.64	30.11
GT ròng (tỷ đồng)	(732.88)	(17.79)

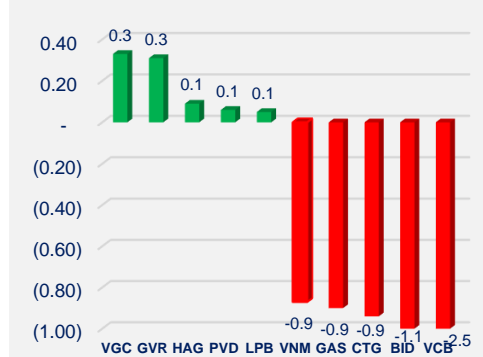
### Tương quan cung cầu HOSE



### Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



### Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên phục hồi tăng điểm ở vùng giá trung bình MA200 với thanh khoản suy giảm hôm qua, VN-INDEX đầu phiên hôm nay tăng lên vùng giá quanh 1.130 điểm với thanh khoản thấp, sau đó áp lực điều chỉnh gia tăng, đặc biệt trong phiên chiều khi VN-INDEX không giữ được vùng hỗ trợ quanh 1.125 điểm tương ứng vùng giá cao nhất tháng 01/2023. Kết phiên VN-INDEX giảm 14,78 điểm (-1,31%) về mức 1.113,89 điểm. HNX-INDEX giảm 2,19 điểm (-0,85%) về mức 228,01 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết trở lại tiêu cực với áp lực bán chiếm ưu thế khi tổng cộng có 494 mã giảm giá (12 mã giảm sàn), 168 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 132 mã đứng giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 14.432,49 tỉ đồng, giảm 13,97% so với phiên trước và thấp hơn mức trung bình. Diễn biến này cho thấy mức độ phục hồi không đồng đều ở nhiều mã, trong khi áp lực bán trong phiên hôm nay cũng giảm khi chủ yếu tập trung nhiều vào ở nhóm bất động sản, dịch vụ tài chính, chứng khoán. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh với giá trị 732,88 tỷ đồng trên HOSE, tập trung bán ròng nhóm bất động sản, ngân hàng, thép; bán ròng trên HNX với giá trị 17,79 tỷ đồng.

Theo thông báo của HNX tính đến ngày 03/10/2023, có khoảng 69 doanh nghiệp nằm trong danh sách chậm nghĩa vụ thanh toán lãi hoặc nợ gốc trái phiếu doanh nghiệp. Ước tính, tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp của các doanh nghiệp này là khoảng 176,1 nghìn tỷ đồng; Ngân hàng Nhà nước cho biết, đến ngày 21/9/2023, tăng trưởng tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 5,91%. NHNN đã định hướng tăng trưởng tín dụng cả năm 2023 khoảng 14% (tương đương năm 2022). Đến ngày 29/9/2023, tín dụng toàn nền kinh tế đạt khoảng 12,749 triệu tỷ đồng, tăng 6,92%. Như vậy tăng trưởng tín dụng bất ngờ có sự hồi phục khá mạnh trong nửa cuối tháng 9, từ 5,91% (ngày 21/9/2023) lên 6,92% (29/9/2023).

Các cổ phiếu nhóm bất động sản có diễn biến kém tích cực nhất thị trường khi tiếp tục chịu áp lực bán mạnh, thanh khoản gia tăng, nhiều mã giảm hết biên độ với áp lực bán về vùng giá trung bình MA200 tương tự như chỉ số VN-INDEX, với NBB (-6,88%), DIG (-6,84%), DXG (-6,74%), CEO (-6,63%), NVL (-5,48%)... ngoài một số mã tăng giá nhẹ như IJC (+1,08%), SJS (+0,49%), HDG (+0,37%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính chứng khoán sau phiên phục hồi tốt cũng chịu áp lực bán từ cổ phiếu T+2 về tài khoản cũng như từ diễn biến suy giảm của thị trường với VIX (-6,27%), VCI (-5,01%), CTS (-4,85%), AGR (-4,24%), VND (-3,93%), BSI (-3,80%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su lại có diễn biến khá tích cực, thanh khoản cải thiện trước thông tin Chính phủ giảm 30% tiền thuê đất phải nộp trong năm 2023 cho tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất và nhiều mã bắt đầu có thông tin ước tính quý III/2023 cải thiện như TIP (+6,90%), VGC (+5,91%), DTD (+3,26%), SZC (+3,20%), DPR (+2,22%), LHG (+2,17%)...

Các cổ phiếu đầu tư công, xây dựng cũng có diễn biến phân hóa khá tích cực so với thị trường chung như PTB (+4,22%), CTD (+4,22%), HT1 (+2,60%), VCG (+0,62%)... trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng tiếp tục có diễn biến kém tích cực, ảnh hưởng tiêu cực đến điểm số chung của thị trường, hầu hết giảm giá với CTG (-2,77%), NVB (-2,48%), ABB (-2,41%), VIB (-2,12%), BID (-2,12%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm 12,5 điểm (-1,10%), khối lượng giao dịch giảm mạnh, khối lượng mở OI giảm, mức chênh lệch âm -4,48 điểm so với VN30. Cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm mạnh. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30f2403 chênh lệch từ -0,48 điểm đến -9,48 điểm. Cho thấy các trader nghiêng về VN30 sẽ điều chỉnh giảm và có thể thể hiện sự không chắc chắn về xu hướng của VN30 khi kỳ hạn VN2311 lớn hơn VN302310.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Thị trường tiếp tục quay đầu giảm điểm sau phiên hồi phục không như kỳ vọng, chốt phiên giao dịch VnIndex giảm -14,78 điểm (-1,31%) và đóng cửa ở 1.113,89 điểm. Xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của thị trường chưa có tín hiệu kết thúc, với trạng thái hiện tại động lực tăng của thị trường hiện ở mức thấp và những nỗ lực hồi phục ngắn hạn mang tính kỹ thuật, kém bền vững.

Về góc nhìn trung hạn, rủi ro xu hướng tăng điểm kết thúc cũng đang gia tăng khi VN-Index vẫn đang giao dịch dưới vùng 1.135 điểm. Thị trường nhiều khả năng sẽ đi vào trạng thái tìm điểm cân bằng mới để tích lũy lại và quá trình này sẽ cần nhiều thời gian, các nỗ lực hồi phục mang tính hồi phục kỹ thuật.

Trong ngắn hạn, VN-Index chưa xác nhận nhịp phục hồi và vẫn còn rủi ro tiếp tục điều chỉnh. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục tỷ trọng thấp, ưu tiên quản trị rủi ro danh mục. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã giải ngân theo khuyến nghị của chúng tôi từ đầu sóng và kiên nhẫn chờ đợi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/10/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	46.00	43-45	55-57	41	11.6	-27.2%	-62.6%	Theo dõi giải ngân
PVP	14.00	13-14	17.5-18.2	12	4.5	8.3%	235.8%	Theo dõi giải ngân
PHR	47.65	46-48	57-59	43	7.3	-54.5%	136.4%	Theo dõi giải ngân
BSR	20.03	19.5-21	25.5-26	18	12.6	-35.7%	-86.8%	Theo dõi giải ngân
BVS	26.60	24-25.6	29-30	22	10.3	1.2%	415.3%	Theo dõi giải ngân
MBS	20.90	18.5-20	24-25	17.5	20.2	-21.8%	2.6%	Theo dõi giải ngân
VHM	44.55	43.5-46	61-63	41	4.3	634.5%	1348.3%	Theo dõi giải ngân
KBC	30.80	28-29.5	34-35	27	7.7	421.1%	294.5%	Theo dõi giải ngân
DPM	38.60	38-38.7	44-46	35	6.0	-26.1%	-92.4%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tur (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	32.2	25.9	35-37	30	24.3%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	72.7	72.95	87-89	78	-0.3%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	20.0	21.7	26-28	19	-7.7%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

**Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện năm 2023**

Bộ trưởng Bộ Công Thương vừa ban hành Quyết định số 2503/QĐ-BCT ngày 28/9/2023 về việc phê duyệt khung giá phát điện năm 2023. So với khung giá phát điện năm 2022, mức giá trần của khung giá phát điện áp dụng cho các nhà máy nhiệt điện than năm 2023 giảm 214,06 đồng/kWh. Khung giá phát điện cho nhà máy thủy điện năm 2023 được giữ nguyên... Căn cứ khung giá phát điện được Bộ Công Thương phê duyệt, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và đơn vị phát điện đàm phán giá mua bán điện trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật về phương pháp xác định giá phát điện do Bộ Công Thương ban hành và quản lý chi phí đầu tư xây dựng phù hợp với quy định pháp luật về xây dựng.

**Giảm 30% tiền thuê đất năm 2023**

Phó thủ tướng Lê Minh Khái vừa ký quyết định giảm 30% tiền thuê đất cho doanh nghiệp, hộ gia đình và cá nhân trong năm nay. Theo đó, đối tượng được giảm là tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo quyết định hoặc hợp đồng hay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất dưới hình thức thuê đất trả tiền hàng năm. Quy định này áp dụng cho cả người thuê đất không thuộc diện được miễn giảm, hết thời hạn hoặc trường hợp đang được giảm theo quy định về đất đai...

**Bốn ngân hàng thương mại nhà nước đã xử lý gần 120 nghìn tỷ nợ xấu trong năm 2022**

Bộ trưởng Bộ Tài chính vừa thay mặt Chính phủ gửi tới Quốc hội báo cáo về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong phạm vi toàn quốc năm 2022. Trong đó có đề cập hoạt động của 4 ngân hàng thương mại nhà nước là Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank (big 4). Số liệu từ báo cáo của Bộ Tài chính cho thấy tổng số nợ xấu của các ngân hàng thương mại nhà nước được xử lý trong năm 2022 thông qua các hình thức khách hàng trả nợ, bán phát mại tài sản, trích lập dự phòng đạt 119.888 tỷ đồng; tăng 60.381 tỷ đồng (101%) so cuối năm 2021...

**Số thu ngân sách của ngành thuế đạt hơn 76%**

Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế 9 tháng năm 2023 do cơ quan thuế quản lý ước đạt 1.048.389 tỷ đồng, bằng 76,3% so với dự toán pháp lệnh, bằng 94,9% so với cùng kỳ. Cụ thể, có 13/20 khoản thu, sắc thuế đạt khá so với dự toán (trên 76%); trong đó có một số khoản thu lớn như khu vực doanh nghiệp nhà nước ước đạt 80%, thuế thu nhập cá nhân ước đạt 78,4%, phí - lệ phí ước đạt 82,4%, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước ước đạt 99,1%, thu cổ tức, lợi nhuận được chia ước đạt 79,2%...



**TIN DOANH NGHIỆP**

**DXS sắp phát hành 121 triệu cổ phiếu, nâng vốn lên hơn 5.7 ngàn tỷ đồng**

CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (HOSE: DXS) thông báo 16/10 là ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền phát hành 121 triệu cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo phương án DXS công bố, tỷ lệ thực hiện 1,000:267 (tương ứng người đang sở hữu 1,000 cp được nhận 267 cp mới). Số lượng dự kiến phát hành 121 triệu cp, tổng mệnh giá 1,210 tỷ đồng, từ thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kể đến thời điểm 31/12/2022 trên BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán của DXS. Sau thực hiện, DXS nâng vốn điều lệ lên hơn 5,741 tỷ đồng. Trên BCTC Công ty mẹ đã kiểm toán 2022 của DXS ghi nhận gần 805 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần và gần 580 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**FPT Smart Cloud và CTCP Chứng khoán Thiên Việt kí kết hợp tác chiến lược**

Chiều ngày 3/10/2023, tại FPT Tower, Hà Nội, Công ty TNHH FPT Smart Cloud đã tổ chức lễ kí kết hợp tác chiến lược với CTCP Chứng khoán Thiên Việt. Sự kiện đánh dấu mối quan hệ hợp tác toàn diện giữa công ty chứng khoán có bề dày 17 năm hoạt động và công ty hàng đầu trong nghiên cứu, phát triển công nghệ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI), Điện toán đám mây (Cloud) và Phân tích dữ liệu thông minh (Data) cho doanh nghiệp.

**OCB mua lô trái phiếu 500 tỷ đồng của Nam Long**

CTCP Đầu tư Nam Long (Mã: NLG) vừa công bố chào bán thành công 500 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ vào cuối tháng 9 vừa qua cho một tổ chức tín dụng trong nước là Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB). Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo thanh toán toàn bộ lãi, gốc bằng tài sản của tổ chức phát hành và các bên bảo đảm. Ngày phát hành là 28/9/2023, ngày đáo hạn 28/9/2028. Lô trái phiếu này có kỳ hạn là 5 năm, lãi suất danh nghĩa trong 6 tháng đầu tiên là 9,6%/năm. Sau đó, lãi suất sẽ được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng của OCB cộng biên độ 2,5%.

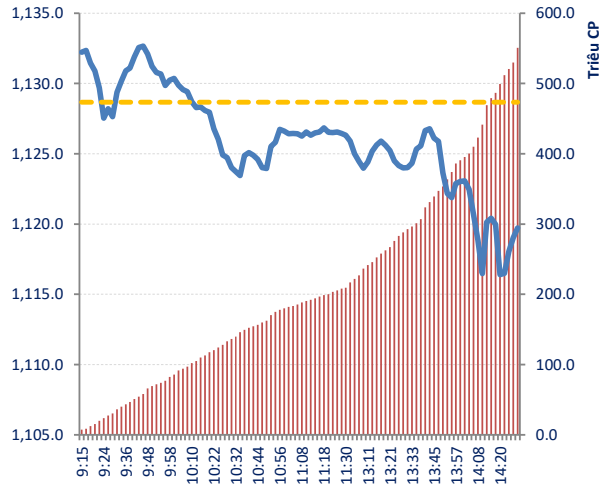
**LIG thay đổi phương án sử dụng vốn chào bán cổ phiếu riêng lẻ để trả nợ vay ngân hàng**

Ngày 03/10/2023, HĐQT CTCP Licogi 13 (HNX: LIG) thông qua quyết định điều chỉnh phương án sử dụng số tiền 225 tỷ đồng thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Trong đó, đáng chú ý là dùng gần 31 tỷ đồng để trả nợ vay ngân hàng nhằm giảm chi phí tài chính. ĐHĐCĐ thường niên 2023 của LIG diễn ra hồi tháng 4/2023 đã thông qua phương án phát hành chào bán riêng lẻ hơn 22.5 triệu cp cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giá chào bán là 10,000 đồng/cp. Thời gian chào bán dự kiến trong năm 2023, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có chấp thuận bằng văn bản.

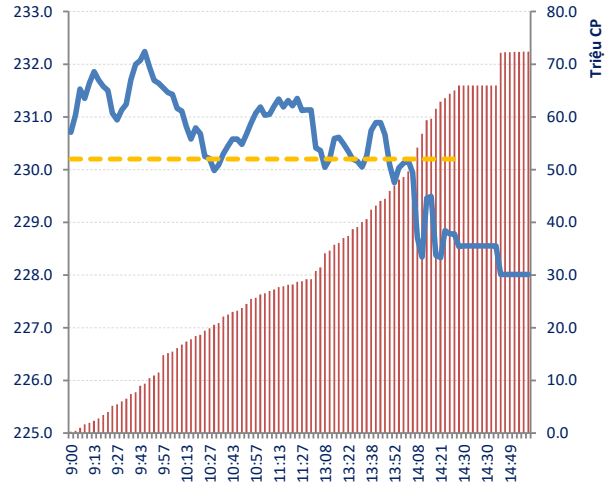


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

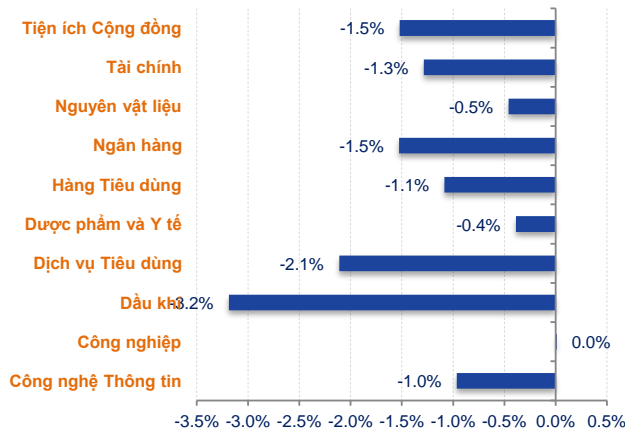
KLGD và VN-Index trong phiên



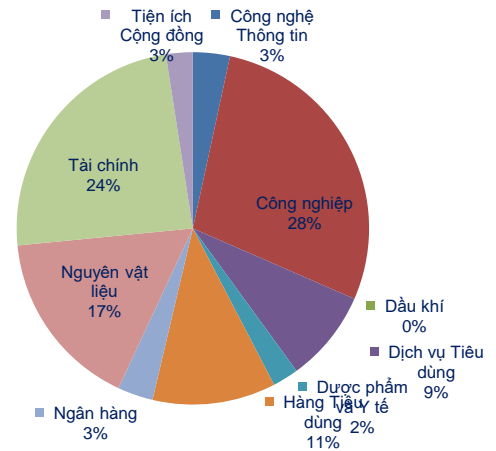
KLGD và HNX-Index trong phiên



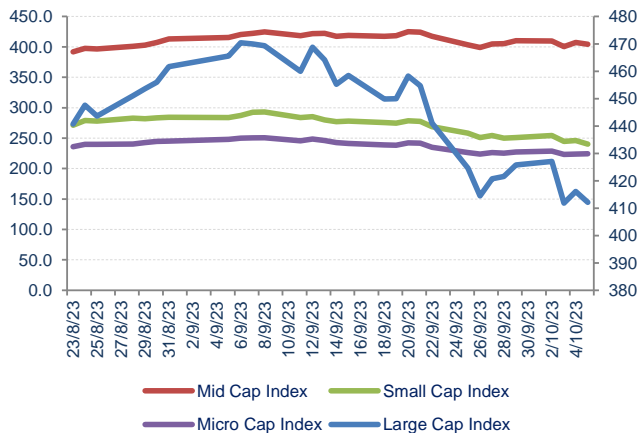
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



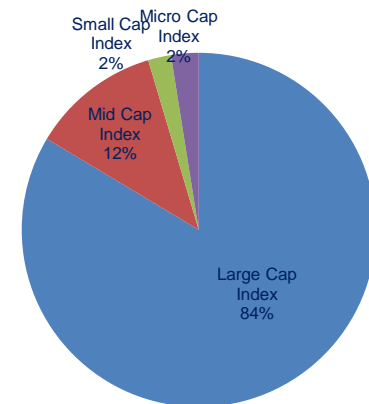
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IJC	496,730	POW	2,087,360	1	IDC	114,820	TNG	420,400
2	VRE	327,300	CTG	1,406,100	2	PVG	93,000	PVS	386,168
3	HT1	213,500	DXG	1,396,900	3	CEO	51,860	MBS	78,400
4	DCM	205,200	VIX	1,376,640	4	TIG	26,000	NVB	46,700
5	PTB	131,400	VND	934,140	5	PVI	17,200	SHS	41,298

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VIX	15.15	14.20	↓ -6.27%	23,176,100	SHS	16.90	16.60	↓ -1.78%	18,812,622
SSI	31.75	31.65	↓ -0.31%	22,392,000	CEO	19.60	18.30	↓ -6.63%	7,369,644
DXG	17.80	16.60	↓ -6.74%	19,757,800	PVS	37.20	36.40	↓ -2.15%	5,629,452
DIG	23.40	21.80	↓ -6.84%	18,919,600	MBS	21.70	20.90	↓ -3.69%	4,405,729
VND	20.35	19.55	↓ -3.93%	18,537,600	TNG	21.30	20.70	↓ -2.82%	3,907,797

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HUB	17.40	18.60	1.20	↑ 6.90%	KSV	37.00	40.70	3.70	↑ 10.00%
TIP	23.20	24.80	1.60	↑ 6.90%	CTB	20.20	22.20	2.00	↑ 9.90%
HVX	3.22	3.44	0.22	↑ 6.83%	BST	17.40	19.10	1.70	↑ 9.77%
YEG	13.40	14.30	0.90	↑ 6.72%	DXP	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%
GTA	15.95	17.00	1.05	↑ 6.58%	VTC	8.80	9.60	0.80	↑ 9.09%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
IMP	69.50	64.00	-5.50	↓ -7.91%	TKG	6.00	5.40	-0.60	↓ -10.00%
PTL	5.47	5.09	-0.38	↓ -6.95%	GLT	24.50	22.10	-2.40	↓ -9.80%
TDW	54.70	50.90	-3.80	↓ -6.95%	CET	8.20	7.40	-0.80	↓ -9.76%
NBB	18.90	17.60	-1.30	↓ -6.88%	BBS	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%
TNC	61.30	57.10	-4.20	↓ -6.85%	QTC	12.60	11.50	-1.10	↓ -8.73%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	23,176,100	7.0%	839	18.1	1.2
SSI	22,392,000	7.3%	1,093	29.0	2.2
DXG	19,757,800	-1.4%	(317)	-	0.8
DIG	18,919,600	1.2%	152	153.7	1.8
VND	18,537,600	3.9%	467	43.6	1.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,812,622	4.3%	507	33.3	1.4
CEO	7,369,644	7.7%	916	21.4	1.6
PVS	5,629,452	7.2%	1,953	19.0	1.4
MBS	4,405,729	10.0%	1,037	20.9	2.0
TNG	3,907,797	15.5%	2,372	9.0	1.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HUB	↑ 6.9%	10.1%	2,091	8.3	0.8
TIP	↑ 6.9%	5.5%	1,399	16.6	0.9
HVX	↑ 6.8%	-4.2%	(440)	-	0.3
YEG	↑ 6.7%	2.4%	642	20.9	0.7
GTA	↑ 6.6%	1.9%	307	51.9	1.0

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSV	↑ 10.0%	-9.0%	(1,355)	-	2.6
CTB	↑ 9.9%	18.9%	3,517	5.7	1.0
BST	↑ 9.8%	15.7%	2,072	8.4	1.3
DXP	↑ 9.6%	6.6%	1,376	9.8	1.0
VTC	↑ 9.1%	-10.8%	(1,936)	-	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IJC	496,730	10.6%	1,597	8.7	0.9
VRE	327,300	10.6%	1,588	17.0	1.7
HT1	213,500	1.3%	176	76.5	1.0
DCM	205,200	21.5%	4,286	8.2	1.7
PTB	131,400	12.8%	5,303	11.2	1.4

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	114,820	20.7%	3,969	11.4	2.4
PVG	93,000	2.8%	383	25.3	0.7
CEO	51,860	7.7%	916	21.4	1.6
TIG	26,000	7.6%	1,091	9.8	0.7
PVI	17,200	0.5%	187	243.7	1.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	482,339	23.0%	5,797	14.9	3.2
BID	214,987	19.0%	4,025	10.6	1.9
GAS	197,060	20.3%	5,567	15.4	2.9
VHM	194,205	29.1%	10,341	4.3	1.1
VIC	175,822	3.9%	1,395	33.1	1.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,439	1.3%	126	181.6	5.3
PVS	17,780	7.2%	1,953	19.0	1.4
IDC	14,916	20.7%	3,969	11.4	2.4
SHS	13,742	4.3%	507	33.3	1.4
THD	13,629	2.9%	458	77.2	2.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.61	-0.4%	(63)	-	0.7
EVG	3.54	1.3%	157	32.6	0.4
VPH	3.31	0.4%	39	216.6	0.8
NVL	2.98	-1.3%	(295)	-	0.7
LGL	2.98	5.9%	769	5.3	0.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

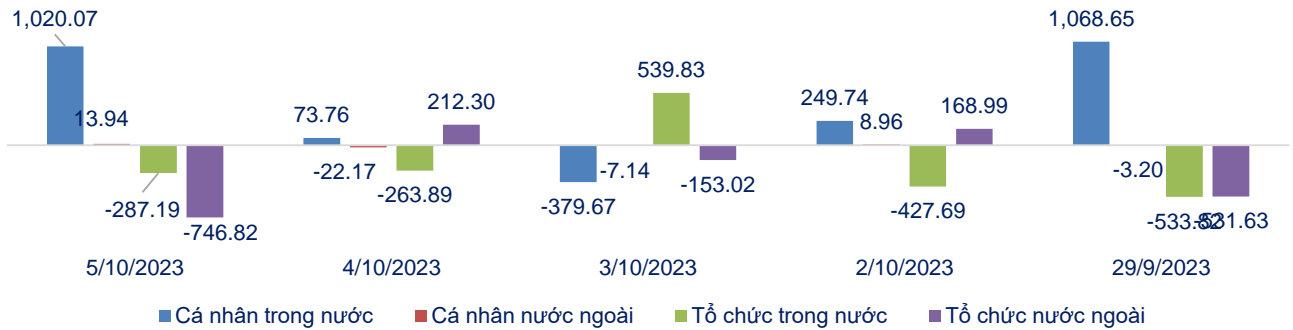
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	3.30	2.4%	261	78.5	1.9
VC2	3.13	3.9%	562	19.0	0.7
AAV	2.69	-1.4%	(169)	-	0.4
MST	2.68	8.1%	914	4.8	0.4
TKG	2.65	3.1%	324	18.5	0.6





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	101.12	6.6%	1,069	46.0	3.1
VNM	73.11	23.9%	3,937	18.9	4.2
FPT	61.31	22.1%	4,596	20.1	4.1
VIC	54.95	3.9%	1,395	33.1	1.3
VPB	45.73	11.1%	1,728	12.2	1.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PTB	-12.79	12.8%	5,303	11.2	1.4
GEX	-11.83	1.6%	385	51.2	0.8
SZC	-11.14	10.9%	1,405	24.8	2.6
GMD	-10.66	26.9%	7,571	8.5	2.0
GVR	-9.60	5.3%	714	27.3	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	9.44	22.3%	3,496	5.2	1.1
DCM	2.43	21.5%	4,286	8.2	1.7
VNM	1.69	23.9%	3,937	18.9	4.2
POW	1.56	4.2%	602	18.7	0.8
VHM	1.06	29.1%	10,341	4.3	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-1.84	6.6%	1,069	46.0	3.1
STB	-1.55	17.2%	3,601	8.4	1.4
VRE	-1.48	10.6%	1,588	17.0	1.7
PVD	-1.11	1.8%	449	56.7	1.0
VCI	-0.93	5.0%	783	51.0	2.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	27.79	-2.3%	(327)	-	7.3
GMD	23.77	26.9%	7,571	8.5	2.0
GEX	15.35	1.6%	385	51.2	0.8
HCM	14.91	7.2%	1,250	23.8	1.7
E1VFN30	11.57	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-61.11	6.6%	1,069	46.0	3.1
FPT	-60.98	22.1%	4,596	20.1	4.1
VPB	-43.71	11.1%	1,728	12.2	1.3
MBB	-30.88	22.3%	3,496	5.2	1.1
VNM	-28.30	23.9%	3,937	18.9	4.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

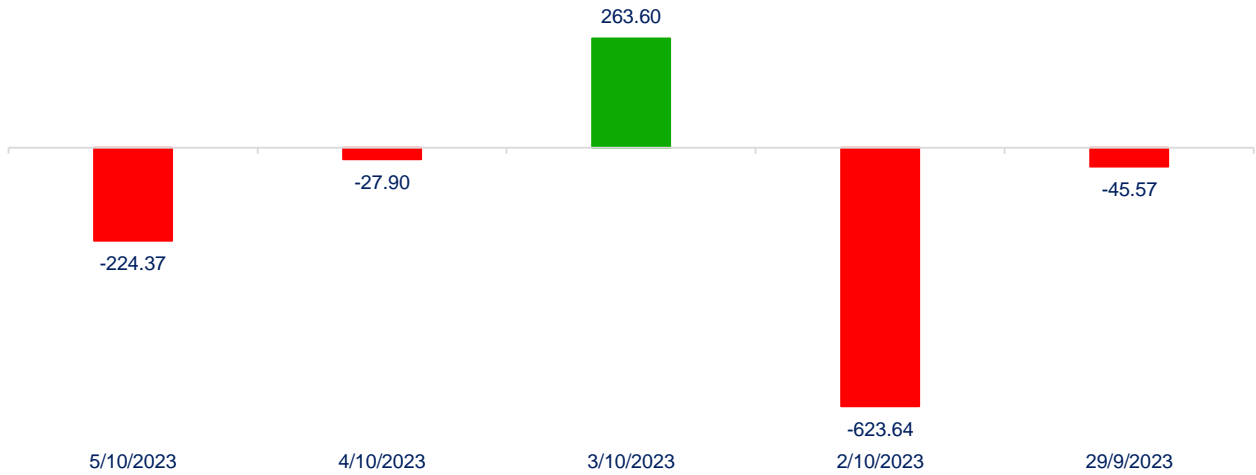
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	10.35	10.6%	1,588	17.0	1.7
PTB	7.93	12.8%	5,303	11.2	1.4
IJC	6.95	10.6%	1,597	8.7	0.9
DCM	4.77	21.5%	4,286	8.2	1.7
HT1	2.93	1.3%	176	76.5	1.0

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

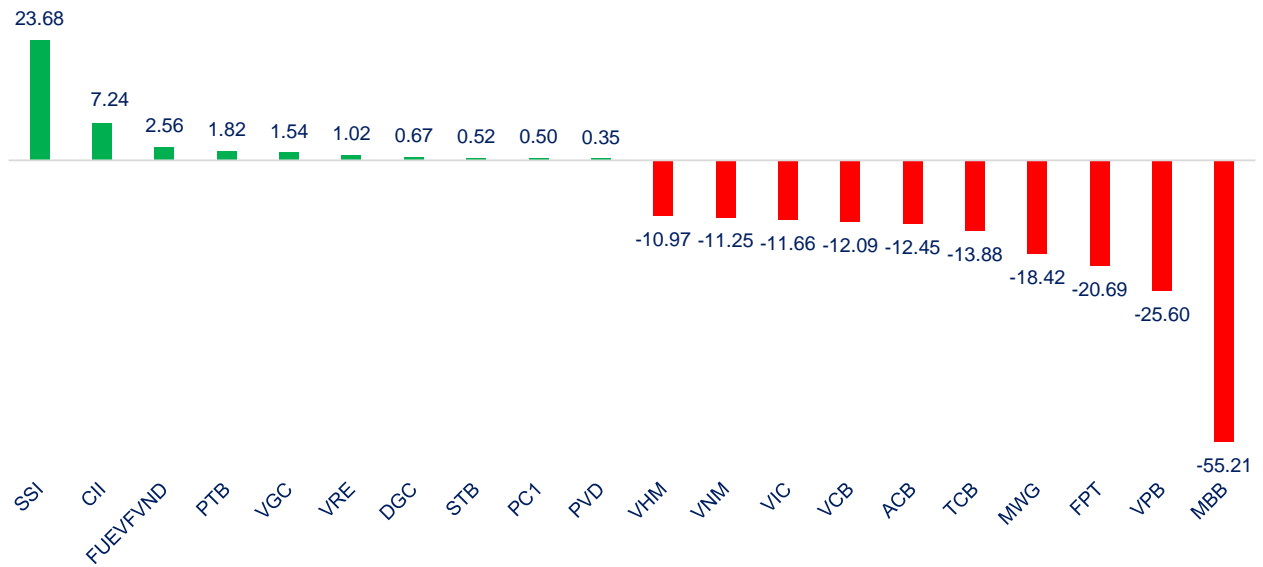
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-46.51	23.9%	3,937	18.9	4.2
CTG	-40.23	15.8%	3,664	7.9	1.2
MWG	-38.16	6.6%	1,069	46.0	3.1
VIC	-34.04	3.9%	1,395	33.1	1.3
SSI	-25.95	7.3%	1,093	29.0	2.2



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda*

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)